Vào link bên dưới để <u>nghe và luyện tập</u> đoạn hội thoại ở trang 86 Sách Global Success 11 (Muốn nghe câu nào nhấn vào câu đó). Khi vào lớp từ 2-4 bạn sẽ được gọi để thực hành trước lớp.

Earning your parents' trust

1 59 Listen and read.

NHẤN VÀO ĐÂY!

Trong danh sách từ vựng bên dưới, các từ/cụm từ nào <u>CÓ</u> xuất hiện trong đoạn hội thoại trang 86 *<u>(Có thể không giống đến từng chữ)</u>*? <u>CHIA THÀNH 2 NHÓM</u> theo NGỮ NGHĨA và <u>CHÉP TẤT CẢ</u> các từ/cụm từ đó vào tập chuẩn bị. Luyện tập phát âm các từ/cụm từ này.

Learn how to set goals and achieve them, contact somebody from time to time, deal with difficult situations, earning somebody's trust, out and about, manage one's time or money, time-management app, plan one's weekly schedule, money-management app, responsible with money, go on well with others, take part-time jobs, do chores around the house, encourage somebody to do something, convince somebody that…..

Dùng 6 từ/cụm từ có trong đoạn hội thoại và 1 từ/cụm từ KHÔNG có trong đoạn hội thoại để tạo nên một câu chuyện ngắn có ý nghĩa liên quan đến bản thân em. Viết câu chuyện vào tập chuẩn bị (Khuyến khích dùng tiếng Anh nhưng trừ 7 từ/cụm từ theo yêu cầu phải dùng tiếng Anh, các phần khác của câu truyện có thể dùng tiếng Việt)

LIVEWORKSHEETS

GLOBAL SUCCESS 11

Unit 8 Becoming independent

GETTING STARTED LANGUAGE

Grammar

Cleft sentences with It is/was ... that/who ...

Remember!

- A cleft sentence is used to focus on a particular part of the sentence and to emphasise what we want to say.
- We use preparatory ***It*** to introduce the thing that we want to focus on while the rest is put in a relative clause introduced with a relative pronoun, e.g. ***that*** or ***who***.

Example:

Nam taught Mai how to use the app in the library last weekend. (no particular focus)

- ***It was*** *Nam* ***that/who*** *taught Mai how to use the app in the library last weekend. (focus on Nam)*
- ***It was*** *the app* ***that*** *Nam taught Mai how to use in the library last weekend. (focus on the app)*
- ***It was*** *in the library* ***that*** *Nam taught Mai how to use the app last weekend. (focus on the library)*
- ***It was*** *last weekend* ***that*** *Nam taught Mai how to use the app in the library. (focus on last weekend)*

A - Dịch phần ghi chú ngữ pháp và ghi vào tập chuẩn bị.

4 Match the two halves to make sentences used in 1.

1 It's my mum	a that took a long time.
2 It was earning my parents' trust	b who still think I don't have the skills to be independent.
3 It's my parents	c that taught me how to be responsible with money.
4 It's the app	d who's calling me again.

B - Xem lại đoạn hội thoại ở trang 86 để hoàn Bài tập 4 bên cạnh. Ghi vào tập chuẩn bị.

C – Nghiên cứu kỹ ví dụ trong ghi chú ngữ pháp và viết lại CÂU GỐC cho từng câu 1,2,3 và 4 (đã ghép hoàn chỉnh) trong Bài tập 4

LIVEWORKSHEETS

GLOBAL SUCCESS 11

Unit 8 Becoming independent

LANGUAGE

Nối từ với định nghĩa. Khi ghi vào tập chuẩn bị thì gạch dưới một số từ ở phần định nghĩa mà em cho là quan trọng nhất để xác định đáp án.

Teens and independence

1 Match the words with their meanings.

1 self-motivated (adj)	a a skill that is necessary or extremely useful to manage well in daily life
2 self-study (n)	b to succeed in dealing with something, especially something difficult
3 manage (v)	c a belief that someone is good, honest and reliable, and will not harm you
4 trust (n)	d the activity of learning something by yourself without teachers' help
5 life skill (n)	e able to do or achieve something without pressure from others

Dùng các từ trong bài tập 1 để hoàn thành các câu trong bài tập 2. Ghi vào tập chuẩn bị.

2 Complete the sentences using the correct form of the words in 1.

1. We have great _____ in our parents and teachers.
2. Teenagers should learn basic _____, such as cooking a meal and using a washing machine.
3. My brother signed up for a _____ computer course.
4. It is important for us to learn how to _____ our time and money.
5. His parents don't have to force him to study hard as he is highly _____.

Answers - 2:

1._____ 2._____

3._____ 4._____

5._____

LIVEWORKSHEETS

GLOBAL SUCCESS 11

Unit 8 Becoming independent

LANGUAGE

Các em tự luyện tập phát âm thêm. <u>Không cần</u> chép vào vở chuẩn bị. Nhưng có làm biết đâu sẽ có ăn!!!

Pronunciation

Intonation in invitations, suggestions, and polite requests

Remember!

We usually use fall-rise intonation in invitations, suggestions, and requests. This intonation pattern makes the questions sound friendlier and more polite.

1 60 **Listen and repeat. Pay attention to the fall-rise intonation (↗) in the following sentences.**

1. Would you like a cup of tea? ↗
2. Why don't you answer your phone? ↗
3. Would you like me to help you install the software? ↗
4. Can you show me the money-management app you told me about? ↗

2 61 **Listen and pay attention to the fall-rise intonation (↗) in the following sentences. Then practise saying them in pairs.**

1. Shall we now talk about other learning methods?
2. Could you please pay attention when I'm talking to you?
3. Why don't we use public transport to go to school?
4. Would you like to join our cooking course?

LIVEWORKSHEETS